

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Kế toán

Mã số:

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	1.2. Tên học phần: Tài chính công
1.3. Ký hiệu học phần:...	1.4. Tên tiếng Anh:
1.5. Số tín chỉ:	2
1.6. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	25 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	5 tiết
- Tự học:	60 tiết
1.7. Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	Thái Đình Hoàng
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Lê Thị Dung Phạm Thị Hoài Thanh Nguyễn Thị Bích Hằng Phạm Thị Mai Hương Hoàng Thị Huyền
1.8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô
- Học phần học trước:	Thuế nhà nước Tài chính doanh nghiệp
- Học phần song hành:	Nghiệp vụ Ngân Hàng Thương mại

2. Mô tả học phần

Môn học nghiên cứu và đề cập đến những vấn đề về hoạt động tài chính vĩ mô. Do vậy nó có liên quan đến nhiều lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực tài chính tiền tệ. Môn học này vừa đề cập đến các vấn đề có tính nguyên lý, đồng thời cũng mang tính nghiệp vụ cụ thể, có nhiều vấn đề liên quan đến các chế độ chính sách của Nhà nước, đặc biệt là chính sách quản lý ngân sách, thuế... Qua nghiên cứu môn học, sẽ thấy được mối liên hệ giữa môn học này với các môn học khác như Thuế, Tài chính doanh nghiệp hay Kế toán công ...

Môn học sẽ giới thiệu tổng quan về hệ thống Tài chính Nhà nước, nghiên cứu các vấn đề như những vấn đề cơ bản về Tài chính công và quản lý Tài chính công; Các khoản thu và quản lý các khoản thu của Nhà nước; Các khoản chi và quản lý các khoản chi của Nhà nước; Các quỹ Tài chính công và quản lý các quỹ Tài chính công ngoài NSNN; Tổ chức cân đối NSNN.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Về kiến thức

Môn học sẽ giúp cho sinh viên :

- CO1: Trình bày được lý luận cơ bản về Tài chính công và vai trò của Tài chính công trong hệ thống tài chính, vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường.

- CO2: Trình bày được lý luận cơ bản về quản lý thu, chi và tổ chức cân đối Ngân sách Nhà nước.

3.2. Về kỹ năng

- CO3: Phân tích được các tác động của các chính sách của Chính phủ khi ban hành và thực thi các chính sách đó.

- CO4: Vận dụng được các kỹ năng thành thạo khi làm việc với các cơ quan Nhà nước (như cơ quan Thuế, KBNN, Hải quan, Tài chính, ...)

- CO5: Phân tích thực trạng tình hình tài chính công ở Việt Nam hiện nay.

3.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Mỗi sinh viên ngành Kế toán học xong môn học Tài chính công sẽ đạt được các mục tiêu về năng lực tự chủ và trách nhiệm như:

- CO6: Nhận thức được vị trí, vai trò và tầm quan trọng của hoạt động quản lý Tài chính công, từ đó có trách nhiệm góp phần bồi dưỡng các nguồn lực Tài chính công, chấp hành tuân thủ theo pháp luật quản lý Tài chính công khi ở bất cứ cương vị nào trong cuộc sống.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu	Ký hiệu CDR	Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá	Mức độ CDR
CO1	CLO1.1	Giải thích được các vấn đề liên quan đến	-Bài giảng trực tiếp -Yêu cầu của giảng viên đối với người	-Nghiên cứu tình huống điển hình	Vận dụng (Apply)

		tài chính công, vai trò của chính phủ trong nền kinh tế thị trường	học -Người học nghiên cứu, giải quyết tình huống	-Bài thi giữa kỳ	
CO2	CLO2.1	Giải thích được các vấn đề liên quan đến quản lý thu ngân sách nhà nước, quản lý chi ngân sách nhà nước, cân đối ngân sách nhà nước.	-Bài giảng trực tiếp -Yêu cầu của giảng viên đối với người học -Người học nghiên cứu, giải quyết tình huống -Các cuộc thảo luận -Bài tập cá nhân/nhóm	-Nghiên cứu tình huống điển hình -Bài thi giữa kỳ	Vận dụng (Manipulation)
CO3	CLO3.1	Phân tích được các tác động của các chính sách của Chính phủ khi ban hành và thực thi các chính sách đó.	-Người học nghiên cứu, giải quyết tình huống -Các cuộc thảo luận	-Nghiên cứu tình huống điển hình -Bài thi giữa kỳ	Hồi đáp (Responding)
CO4	CLO4.1	Vận dụng được các kỹ năng thành thạo khi làm việc với các cơ quan Nhà nước (như cơ quan Thuế, KBNN, Hải quan, Tài chính, ...)	-Người học nghiên cứu, giải quyết tình huống -Các cuộc thảo luận	-Nghiên cứu tình huống điển hình -Bài thi giữa kỳ	Hồi đáp (Responding)
CO5	CLO5.1	Có kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập, thuyết trình.	-Người học nghiên cứu, giải quyết tình huống -Các cuộc thảo luận	-Nghiên cứu tình huống điển hình -Bài thi giữa kỳ	Vận dụng (Manipulation)
CO6	CLO6.1	Tuân thủ chuẩn mực đạo đức khi tham gia vào các hoạt động xã hội	-Người học nghiên cứu, giải quyết tình huống -Các cuộc thảo luận	-Nghiên cứu tình huống điển hình -Bài thi giữa kỳ	Vận dụng (Manipulation)

5. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào được đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI

CDR học phần	Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo														
	PLO1		PLO2		PLO 3	PLO4			PLO5		PLO 6	PLO7		PLO8	
	PI 1.1	PI 1.2	PI 2.1	PI 2.2	PI 3.1	PI 4.1	PI 4.2	PI 4.3	PI 5.1	PI 5.2	PI 6.1	PI 7.1	PI 7.2	PI 8.1	PI 8.2
CLO1.1										M					
CLO2.1			M												
CLO3.1															M
CLO4.1			M												
CLO5.1										M					
CLO6.1															M

6. Đánh giá học phần

a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của học phần

Bài đánh giá	Hình thức kiểm tra đánh giá	Công cụ đánh giá	CLO	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PI	Trọng số cho CLO	Điểm tối đa cho CLO	Trọng số cho học phần (%)
Đánh giá quá trình								
A1	Bài tập đánh giá tại lớp	Rubric 2	CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1 CLO5.1 CLO6.1			20% 20% 10% 10% 20% 20%	2 2 1 1 2 2	40%
Đánh giá cuối kỳ								
A2	Thi vấn đáp: Trả lời câu hỏi lý thuyết Thi vấn đáp: Làm 2 câu bài tập.	- Rubric 4	CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1 CLO5.1 CLO6.1			20% 20% 10% 10% 20% 20%	2 2 1 1 2 2	60%

b. Chính sách đối với học phần

- Sinh viên nghỉ học dưới 30% số tiết của học phần được dự thi kết thúc học phần tại kỳ thi chính (thi lần 1);

- Sinh viên nghỉ học từ 30% đến dưới 50% số tiết của học phần thì không được dự thi hết học phần lần thứ 1, phải nhận điểm thi lần 1 (ĐT) là điểm 0, nhưng sau khi tự học lại những phần còn thiếu, được dự kỳ thi hết học phần lần thứ 2 (Thi lại).

- Sinh viên nghỉ học từ 50% số tiết trở lên thì không được dự thi hết học phần, phải nhận điểm đánh giá học phần là điểm 0 (điểm F) và phải học lại học phần đó.

7. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần (2 tiết)	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu SV chuẩn bị	CDR học phần	Bài đánh giá
1	Chương 1: Những vấn đề chung về tài chính công 1.1 Tổng quan về Tài chính công 1.1.1 Khái niệm Tài chính công 1.1.2 Đặc điểm của Tài chính công 1.1.3 Các bộ phận cấu thành Tài chính công	- Giải thích cụ thể -Thuyết giảng - Thảo luận	- Trả lời các câu hỏi của GV - Làm việc theo nhóm theo hướng dẫn của GV	CLO1.1, CLO5.1, CLO6.1	A1
2	Chương 1 (tiếp) 1.1.4 Chức năng của Tài chính công 1.1.5 Vai trò của Tài chính công 1.2 Vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường 1.2.1. Chính phủ với việc phân phối lại thu nhập	-Thuyết giảng - Giải thích cụ thể - Thảo luận - Bài tập ở nhà	- Trả lời các câu hỏi của GV - Đọc trước nội dung chương 2 từ trang 23 đến trang 31	CLO1.1, CLO5.1, CLO6.1	A1 A2
3	Chương 1 (tiếp) 1.2.2. Độc quyền và vai trò của chính phủ	- Câu hỏi gợi mở - Bài tập ở nhà	- Trả lời câu hỏi của GV - Làm bài tập GV giao	CLO1.1, CLO5.1, CLO6.1	A1 A2

	1.2.3. Các yếu tố ngoại lai và vai trò của chính phủ 1.2.4. Chính phủ với việc cung cấp hàng hóa công cộng				
4	Chương 2: Quản lý thu ngân sách nhà nước 2.1. Quản lý thu thuế 2.1.1. Những vấn đề cơ bản về thuế 2.1.2. Quản lý thu thuế	-Thuyết giảng - Giải thích cụ thể - Thảo luận - Bài tập ở nhà	- Đọc GT từ trang 31 đến trang 40 - Tương tác với GV	CLO2.1 CLO3.1 CLO5.1 CLO6.1	A1 A2
5	Chương 2 (tiếp) 2.1.3. Phân tích tác động của thuế trong thị trường cạnh tranh	- Thảo luận - Bài tập ở nhà	- Làm việc nhóm theo hướng dẫn của GV - Trả lời các câu hỏi của GV - Làm bài tập chương 2	CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1 CLO5.1 CLO6.1	A1 A2
6	Chương 2 (tiếp) 2.1. Quản lý thu thuế	-Thuyết giảng - Giải thích cụ thể - Bài tập ở nhà	- Đọc GT từ trang 40 đến trang 45. - Trả lời các câu hỏi của GV - Làm bài tập chương 2.	CLO2.1 CLO3.1 CLO6.1	A1 A2
7	Chương 2 (tiếp) 2.2 Quản lý thu thuế	-Thuyết giảng - Giải thích cụ thể - Bài tập ở nhà	- Đọc GT từ trang 40 đến trang 45. - Làm việc theo nhóm theo hướng dẫn của GV	CLO2.1 CLO3.1	A1 A2

8	Chương 2 (tiếp) 2.2 Quản lý thu phí, lệ phí	- Thảo luận - Bài tập ở nhà	- Trả lời các câu hỏi của GV - Làm bài tập chương 2	CLO2.1 CLO3.1 CLO5.1	A1 A2
9	Chương 3. Quản lý chi Ngân sách Nhà nước 3.1 Những nội dung cơ bản về quản lý chi ngân sách nhà nước	-Thuyết giảng - Giải thích cụ thể	- Đọc GT từ trang 61 đến trang 86 - Làm việc theo nhóm theo hướng dẫn của GV	CLO2.1 CLO3.1 CLO5.1	A1 A2
10	Chương 3. (tiếp) 3.2 Quản lý chi thường xuyên của NSNN	-Thuyết giảng - Giải thích cụ thể - Bài tập ở nhà	- Đọc GT từ trang 61 đến trang 86 - Làm việc theo nhóm theo hướng dẫn của GV - Làm bài tập chương 3.	CLO2.1 CLO3.1 CLO5.1	A1 A2
11	Chương 3. (tiếp) 3.3. Quản lý chi đầu tư phát triển của NSNN 3.3.1. Khái niệm, nội dung, đặc điểm chi đầu tư phát triển của NSNN. 3.3.2. Quản lý chi đầu tư XDCB của NSNN	-Thuyết giảng - Giải thích cụ thể - Bài tập ở nhà	- Đọc GT từ trang 61 đến trang 86 - Làm việc theo nhóm theo hướng dẫn của GV - Làm bài tập chương 3.	CLO2.1 CLO3.1 CLO5.1 CLO6.1	A1 A2
12	Chương 3. (tiếp) 3.3.3. Quản lý các khoản chi đầu tư phát triển khác của NSNN Chương 4. Tổ chức cân đối Ngân Sách Nhà Nước 4.1. Lý luận cơ bản về cân đối ngân sách Nhà Nước.	- Tranh luận - Bài tập ở nhà	- Trả lời câu hỏi của GV - Làm bài tập chương 3.	CLO2.1 CLO3.1 CLO5.1 CLO6.1	A1 A2
13	Chương 4. (tiếp)	-Thuyết	- Đọc GT từ trang	CLO2.1	A1

	4.2. Bội chi Ngân sách Nhà Nước	giảng - Giải thích cụ thể - Bài tập ở nhà	86 đến trang 111 - Làm bài tập giáo viên giao	CLO5.1 CLO6.1	A2
	Đánh giá tiến độ: Kiểm tra giữa kì			CLO1.1 CLO2.1 CLO5.1 CLO6.1	A2
14	Chương 4. (tiếp) 4.2. Bội chi Ngân sách Nhà Nước	-Thuyết giảng - Giải thích cụ thể - Bài tập ở nhà	- Đọc GT từ trang 112 đến trang 119 - Trả lời câu hỏi của GV - Làm bài tập giáo viên giao	CLO2.1 CLO3.1 CLO6.1	A1 A2
15	Chương 4. (tiếp) 4.3. Tổ chức cân đối Ngân sách Nhà Nước 4.3.1. Những giải pháp chung để tổ chức cân đối NSNN 4.3.2. Tổ chức cân đối NSNN ở Việt Nam.	-Thuyết giảng - Giải thích cụ thể - Câu hỏi gợi mở	- Đọc GT từ trang 142-185 - Thảo luận nhóm - Trả lời câu hỏi giáo viên giao	CLO2.1 CLO3.1 CLO5.1 CLO6.1	A1 A2
Đánh giá cuối kỳ: Thi viết				CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1 CLO5.1 CLO6.1	A1 A2

8. Học liệu

8.1. Giáo trình

ThS. Vũ Cương, 2012, *Giáo trình kinh tế và tài chính công*, NXB Thống kê.

8.2. Tài liệu tham khảo

[1] PGS.TS Dương Đăng Chinh, TS Phạm Văn Khoan, 2009, *Giáo trình Quản lý Tài chính công*, Nhà xuất bản Tài chính.

[2] PGS.TS. Sử Đình Thành, TS. Bùi Thị Mai Hoài, 2010, Tài chính công và phân tích chính sách thuế, Nhà xuất bản Lao động.

Danh mục địa chỉ web hữu ích cho HP

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web
1	Thu NSNN qua các năm	https://mof.gov.vn/
2	Chi NSNN qua các năm	https://mof.gov.vn/
3	Tình hình bội chi NSNN qua các năm	https://mof.gov.vn/

Nghệ An, ngày 28 tháng 05 năm 2022

Trưởng khoa



Phạm Thị Mai Hương

Trưởng bộ môn



Hoàng Thị Huyền

Người biên soạn



Thái Đình Hoàng

PHỤ LỤC 12. RUBRIC ĐÁNH GIÁ

RUBRIC 1. ĐÁNH GIÁ CHUYÊN CẦN

Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số	
		Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	Bộ phận	Tổng thể
Đánh giá chuyên cần	Chuyên cần	Không đi học (<30%)	Đi học không chuyên cần (<50%)	Đi học khá chuyên cần (<70%)	Đi học chuyên cần (<90%)	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100%)	10%	10%
	Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp. Các đóng góp rất hiệu quả.	15%	

RUBRIC 3. ĐÁNH GIÁ BÀI TẬP

Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số	
		Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	Bộ phận	Tổng thể
Đánh giá bài tập	Nộp bài tập	Không nộp bài tập	Nộp 70% số bài tập được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	Nộp đầy đủ 100% số bài tập được giao. Một số bài chưa đúng thời gian quy định.	Nộp đầy đủ 100% số bài tập được giao. Hầu hết nộp đúng thời gian quy định.	Nộp đầy đủ 100% số bài tập được giao và đúng thời gian quy định.	25%	

	Trình bày bài tập	Không có bài tập	Trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu. Tính toán một số chỉ tiêu trong các bảng phân tích chưa đúng. Không thực hiện đầy đủ quy trình phân tích các chỉ tiêu tài chính.	Trình bày đúng yêu cầu. Tính toán đúng các chỉ tiêu trong các bảng phân tích, nhưng còn chậm. Thực hiện khá đầy đủ quy trình phân tích các chỉ tiêu tài chính.	Trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu. Tính toán nhanh và đúng các chỉ tiêu trong các bảng phân tích. Thực hiện đầy đủ quy trình phân tích các chỉ tiêu tài chính.	Trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu, logic và rất khoa học. Tính toán rất nhanh và đúng các chỉ tiêu trong các bảng phân tích. Thực hiện rất đầy đủ quy trình phân tích.	25%	
	Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số bài không đúng theo yêu cầu. Kết quả tính toán chưa đúng.	Nội dung phân tích đầy đủ nhưng chưa chi tiết. Kết quả tính toán đúng.	Nội dung phân tích đầy đủ, chi tiết, hợp lý. Kết quả tính toán đúng.	Nội dung phân tích rất đầy đủ, chi tiết. Kết quả tính toán đúng.	25%	

RUBRIC 4. ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG THUYẾT TRÌNH

Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số	
		Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	Bộ phận	Tổng thể
Đánh giá thuyết trình	Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung phù hợp với yêu cầu nhưng chưa đầy đủ, giải thích chưa rõ ràng.	Nội dung phù hợp với yêu cầu nhưng chưa đầy đủ, giải thích	Nội dung báo cáo đầy đủ, chi tiết, dễ hiểu.	Nội dung báo cáo đầy đủ, chi tiết, dễ hiểu. Có sự đầu tư và chín chu trong việc chuẩn bị các	20%	20%

				chưa rõ ràng.		nội dung báo cáo.	
Trình bày slide	Slide trình bày quá sơ sài, chưa đầy đủ các nội dung	Slide trình bày các nội dung khá phù hợp, sử dụng câu từ còn lủng củng, sắp xếp các nội dung phân tích và các bảng biểu còn lộn xộn, chưa hợp lý.	Slide trình bày các nội dung khá phù hợp, sử dụng câu từ còn lủng củng, sắp xếp các nội dung phân tích và các bảng biểu còn lộn xộn, chưa hợp lý.	Slide trình bày các nội dung khá phù hợp, sử dụng câu từ còn lủng củng, sắp xếp các nội dung phân tích và các bảng biểu còn lộn xộn, chưa hợp lý.	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, thể hiện sự thành thạo các thao tác. Các bảng biểu gọn đẹp, phân tích đầy đủ, súc tích, dễ hiểu.	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, có sự thu hút, thể hiện sự thành thạo các thao tác. Các bảng biểu gọn đẹp, phân tích đầy đủ, súc tích, dễ hiểu.	15%
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định.. Sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ. Người nghe không hiểu.	Giọng nói nhỏ, phát âm một số từ không rõ, còn áp úng, chưa có sự logic, chưa mạch lạc, làm cho người nghe chưa hiểu hết vấn đề.	Giọng nói nhỏ, phát âm một số từ không rõ, chưa mạch lạc, chủ yếu là đọc slide, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe.	Phần trình bày ngắn gọn, dễ hiểu. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Người nghe có thể hiểu được nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định.	Phần trình bày ngắn gọn, dễ hiểu và hấp dẫn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát, truyền cảm. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định.	Phần trình bày ngắn gọn, dễ hiểu và hấp dẫn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát, truyền cảm. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định.	15%

RUBRIC 5. ĐÁNH GIÁ THI VẤN ĐÁP

Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số	
		Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	Bộ phận	Tổng thể
Thi vấn đáp	Thái độ và nội dung trả lời câu hỏi lý thuyết	Thái độ thô lỗ, không hợp tác, thiếu tôn trọng. Sử dụng thuật ngữ không phù hợp, giọng nói khó nghe. Các câu trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi.	Thái độ giao tiếp, trả lời lễ độ. Sử dụng các thuật ngữ phức tạp, khó hiểu. Giọng nói nhỏ, thiếu tự tin. Các câu trả lời không rõ ràng, không đúng trọng tâm câu hỏi.	Thái độ giao tiếp, trả lời nhẹ nhàng. Giọng nói vừa phải, dễ nghe. Thuật ngữ trả lời phù hợp, dễ hiểu. Câu trả lời đúng trọng tâm câu hỏi, nhưng thiếu tư tin.	Thái độ tự tin, từ tốn, nhẹ nhàng. Thuật ngữ trả lời đơn giản, dễ hiểu. Giọng nói lưu loát, rõ ràng. Câu trả lời ngắn gọn, đầy đủ các nội dung yêu cầu. Thể hiện sự tự tin và có hiểu biết nhưng lập luận giải thích chưa thuyết phục.	Thái độ giao tiếp rất tự tin. Giọng nói rõ ràng, thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan trực tiếp đến yêu cầu của câu hỏi. Lập luận, giải thích hoàn toàn thuyết phục.	30%	70%
	Nội dung bài tập	Không có kết quả bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số bài không đúng theo yêu cầu. Kết quả tính toán chưa đúng.	Nội dung phân tích đầy đủ nhưng chưa chi tiết. Kết quả tính toán đúng.	Nội dung phân tích đầy đủ, chi tiết, hợp lý. Kết quả tính toán đúng.	Nội dung phân tích rất đầy đủ, chi tiết. Kết quả tính toán đúng.	70%	

RUBRIC 7. ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM

Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số	
		Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	Bộ phận	Tổng thể
Đánh giá làm việc nhóm	Tổ chức nhóm	Không có sự làm việc nhóm	Trách nhiệm và nhiệm vụ công việc của các thành viên không được phân công cụ thể	Nhiệm vụ của các thành viên không rõ ràng và không phù hợp.	Nhiệm vụ công việc rõ ràng và phù hợp với khả năng của mỗi thành viên trong nhóm.	Nhiệm vụ công việc rõ ràng, cụ thể và phù hợp. Phát huy thế mạnh của các thành viên. Có sự tương tác, phối hợp tốt.	20%	
	Tham gia làm việc nhóm	< 30%	< 50%	< 70%	< 90%	100% (Tham gia đầy đủ các buổi họp, thảo luận của nhóm)	10%	
	Thảo luận	Không bao giờ tham gia vào công việc thảo luận của nhóm.	Hiếm khi tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Tham gia tất cả các cuộc thảo luận nhóm, đóng góp ý kiến hay, hiệu quả cho các hoạt động của nhóm.	10%	
	Phối hợp nhóm	Không bao giờ phối hợp, hợp tác với nhóm.	Hiếm khi phối hợp, hợp tác làm việc nhóm.	Có sự phối hợp, hợp tác làm việc nhóm.	Có sự phối hợp, hợp tác làm việc nhóm. Thường xuyên tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên.	Có sự phối hợp, hợp tác làm việc nhóm. Luôn tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên.	10%	

